

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓP CỘP
TỈNH SƠN LA

Số: 16 /2020/QĐST - HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Sóp Cộp, ngày 20 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Bản B, xã S, huyện C, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Cao Quý T1, sinh năm 1979

Địa chỉ: Bản B, xã S, huyện C, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 7 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Cao Quý T1
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Cao Quý T1, thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con chung là: Cao Thị Thảo M, sinh ngày 25/4/2013 và Cao Thị Minh Th, sinh ngày 31/8/2015 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Cao Quý T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lò Thị T đối với cháu Cao Thị Thảo M mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*),

phương thức cấp dưỡng: Lập sổ tiết kiệm mang tên Cao Thị Thảo M, gửi Ngân Hàng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2020 cho đến khi cháu Lò Thị Thảo M đủ 18 tuổi. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết phần tài sản.

3. Về án phí: Chị Lò Thị T nhận chịu toàn bộ án phí xin ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số: AA//2016/ 0003427 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La; hoàn trả cho chị Lò Thị T số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Cao Quý T1 phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con.

Khoản tiền phải cấp dưỡng kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành, thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Sốp Cộp;
- Tòa án tỉnh Sơn La;
- CCTHADS huyện Sốp Cộp;
- UBND xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Dương Ngọc Tam